

Bản án số: 152/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/9/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bích.

2. Ông Nguyễn Hồng Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 12/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2022/QĐXX-ST ngày 12/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2022/QĐ-ST ngày 26/8/2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị N, sinh năm: 1990. (vắng mặt).

HKTT: Thôn Thanh Giã, xã Tam Dị, huyện LN, tỉnh B.

Nơi ở: Thôn Trại Đáng, xã Tam Dị, huyện LN, tỉnh B

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm: 1989. (vắng mặt).

Trú quán: Thôn Thanh Giã, xã Tam Dị, huyện LN, tỉnh B.

(Hiện đang lao động tại nước ngoài)

Địa chỉ cuối cùng của anh Nguyễn Mạnh C tại Việt Nam là thôn Thanh Giã, xã Tam Dị, huyện LN, tỉnh B.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1954. (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1953. (vắng mặt).

Đều trú quán: Thôn Thanh Giã, xã Tam Dị, huyện LN, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 25/7/2022, các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Đỗ Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Mạnh C kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Dị, huyện LN, tỉnh B vào ngày 17/4/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2017 thì anh C đi lao động tại Hàn Quốc. Kể từ khi anh C đi lao động tại Hàn Quốc thì cũng từ đó vợ phát sinh mâu thuẫn, anh C đã không còn quan tâm đến gia đình nữa, giữa chị và anh C cũng không có liên lạc với nhau. Kể từ đi nước ngoài đến nay anh C chưa về nước lần nào, vợ chồng cũng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh C.

-Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Đăng Khôi, sinh ngày 15/4/2014 và cháu Nguyễn Đăng Quang, sinh ngày 15/02/2018. Hiện nay, cháu Khôi đang ở cùng với anh C và ông bà nội, còn cháu Quang đang ở cùng với chị. Ly hôn chị đề nghị giao cháu Nguyễn Đăng Khôi, sinh ngày 15/4/2014 cho anh Nguyễn Văn C nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Đăng Quang, sinh ngày 15/02/2018 cho chị nuôi dưỡng, vì hiện nay chị chưa có công việc ổn định, thu nhập còn thấp nên không đủ điều kiện để nuôi dưỡng cả 2 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

-Về T sản chung, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị N còn trình bày: Hiện nay anh C vẫn ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của anh C ở nước ngoài chị không cung cấp được cho Tòa án được vì chị có hỏi anh C nhưng anh C không cung cấp địa chỉ cho chị được biết, anh C vẫn liên lạc về cho bố mẹ để anh C là ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V, trú tại: Thôn Thanh Giã, xã Tam Dị, huyện LN, tỉnh B. Đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của anh C thông qua bố mẹ đẻ của anh C.

Do bận công việc nên chị không thể về tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh C được. Vì vậy, chị đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Nguyễn Mạnh C.

Bị đơn anh Nguyễn Mạnh C không có bản tự khai.

Ngày 29/7/2022 và ngày 05/8/2022 Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Mạnh C là ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1954, trú tại: Thôn Thanh Giã, xã Tam Di, huyện LN, tỉnh B để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông T thông báo cho anh C biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Đỗ Thị N và anh Nguyễn Mạnh C; yêu cầu anh C viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu ông T cung cấp địa chỉ cụ thể của anh C ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua hai lần làm việc ông T vẫn giữ nguyên quan điểm là anh C ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh C ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của anh C, ông từ chối thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh C biết để anh C gửi quan điểm, lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh C gửi về.

Tại đơn trình bày ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V trình bày: Ông, bà là ông bà nội của cháu Nguyễn Đăng Khôi và cháu Nguyễn Đăng Quang, từ bé đến nay cháu Nguyễn Đăng Khôi vẫn ở với ông bà, kể khi anh C đi nước ngoài tới nay cháu Khôi vẫn ở với ông bà, cháu được đi học và phát triển bình thường, con trai ông bà là anh Nguyễn Mạnh C vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình và thường xuyên gửi tiền về cho ông bà và gia đình để nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nguyễn Đăng Khôi.

Tại đơn trình bày cháu Nguyễn Đăng Khôi trình bày: Cháu là con của bố Nguyễn Mạnh C và mẹ Đỗ Thị N, hiện nay cháu đang ở cùng với bố Nguyễn Mạnh C và ông bà nội. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được ở với bố cháu là Nguyễn Mạnh C.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị N vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Mạnh C vắng mặt không có lý do.

Thay mặt Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị N; Biên bản làm việc với bố đẻ của anh C là ông Nguyễn Văn T; Đơn đề nghị của cháu Nguyễn Đăng Khôi và thông qua các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của Nguyên đơn chị Đỗ Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định

trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Nguyễn Mạnh C không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh C; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt anh Nguyễn Mạnh C là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị N. Xử cho chị Đỗ Thị N được ly hôn anh Nguyễn Mạnh C.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Đăng Khôi, sinh ngày 15/4/2014 cho anh Nguyễn Mạnh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Nhưng tạm giao cháu Nguyễn Đăng Khôi, sinh ngày 15/4/2014 cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V nuôi dưỡng, chăm sóc trong thời gian anh C ở nước ngoài. Giao cháu Nguyễn Đăng Quang, sinh ngày 15/02/2018 cho chị Đỗ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Các đương sự không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Chị Đỗ Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về **thủ tục tố tụng**: Chị Đỗ Thị N là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị Đỗ Thị N, ông T, bà V.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Mạnh C vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với bố đẻ của anh C là ông Nguyễn Văn T để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông T thông báo cho anh C biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Đỗ Thị N

và anh Nguyễn Mạnh C; Yêu cầu anh C viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu ông T cung cấp địa chỉ cụ thể của anh C ở nước ngoài. Ông Nguyễn Văn T trình bày: Anh C vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà ông T vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh C cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh C biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những T liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Mạnh C theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Đỗ Thị N là nguyên đơn có đơn xin ly anh Nguyễn Mạnh C, anh C hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 8832/QLXNC-P5 v/v cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 09/5/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì anh C đã xuất cảnh ngày 15/9/2017 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của anh C ở Việt Nam là: Thôn Thanh Giã, xã Tam Dị, huyện LN, tỉnh B. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Chị Đỗ Thị N và anh Nguyễn Mạnh C có đăng ký kết hôn ngày 17/4/2013 tại UBND xã Tam Dị, huyện LN, tỉnh B, được Ủy ban nhân dân xã Tam Dị cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2017 thì anh C đi lao động tại Hàn Quốc. Kể từ khi anh C đi lao động tại Hàn Quốc thì cũng từ đó vợ phát sinh mâu thuẫn, anh C đã không còn quan tâm đến gia đình nữa, giữa chị và anh C cũng không có liên lạc với nhau. Kể từ đi nước ngoài đến nay anh C chưa về nước lần nào, vợ chồng cũng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh C.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đỗ Thị N. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị N và anh C chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2017 thì anh C đi xuất khẩu lao động, kể từ khi anh C đi nước ngoài thì vợ chồng phát sinh

mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung. Kể từ khi anh C đi nước ngoài từ đó đến nay, vợ chồng ít liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm giữa chị N và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị N. Xử cho chị Đỗ Thị N được ly hôn anh Nguyễn Mạnh C.

[4]. Về nuôi con chung: Chị Đỗ Thị N và anh Nguyễn Mạnh C có 02 con chung là cháu Nguyễn Đăng Khôi, sinh ngày 15/4/2014 và cháu Nguyễn Đăng Quang, sinh ngày 15/02/2018. Hiện nay cháu Nguyễn Đăng Khôi đang ở với anh C và ông bà nội còn cháu Nguyễn Đăng Quang đang ở với chị N. Ly hôn chị N đề nghị giao cháu Nguyễn Đăng Khôi, sinh ngày 15/4/2014 cho anh Nguyễn Mạnh C nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Đăng Quang, sinh ngày 15/02/2018 cho chị nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị không đề nghị giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị N về yêu cầu nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy từ khi anh C đi nước ngoài lao động đến nay thì cháu Nguyễn Đăng Khôi vẫn ở cùng với anh C và ông bà nội (bố mẹ anh C) cháu Khôi được ông bà nội chăm sóc phát triển bình thường, anh C vẫn thường xuyên gửi tiền về cho bố mẹ anh để nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Khôi. Còn cháu Nguyễn Đăng Quang vẫn do chị chăm sóc và nuôi dưỡng, hiện nay chị N công việc không ổn định, thu nhập thấp nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu. Do vậy chị N đề nghị giao con chung là cháu Nguyễn Đăng Khôi, sinh ngày 15/4/2014 cho anh Nguyễn Mạnh C chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Đăng Quang, sinh ngày 15/02/2018 cho chị nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với điều kiện thực tế và tránh xáo trộn cuộc sống bình thường của các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị N. Giao con chung là cháu Nguyễn Đăng Khôi, sinh ngày 15/4/2014 cho anh Nguyễn Mạnh C và giao cháu Nguyễn Đăng Quang, sinh ngày 15/02/2018 cho chị Đỗ Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục đến khi các con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung. Tuy nhiên hiện nay anh C đang đi lao động tại nước ngoài nên cần tạm giao cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V chăm sóc cháu Nguyễn Đăng Khôi trong thời gian anh C ở nước ngoài.

Sau khi ly hôn chị Đỗ Thị N và anh Nguyễn Mạnh C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị N, anh C thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về T sản, công nợ: Chị Đỗ Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Đỗ Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83; khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh C.

2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là cháu Đỗ Đăng Quang, sinh ngày 15/02/2018 và giao cho anh Nguyễn Mạnh C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Đăng Khôi, sinh ngày 15/4/2014 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng do anh C đang ở nước ngoài nên tạm giao cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Nguyễn Đăng Khôi trong thời gian anh Nguyễn Mạnh C ở nước ngoài.

Chị Đỗ Thị N, anh Nguyễn Mạnh C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị N, anh C thực hiện quyền này.

3.Về án phí: Chị Đỗ Thị N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000533 ngày 27/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận chị N đã nộp đủ.

4.Về quyền kháng cáo bản án: Chị Đỗ Thị N, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Nguyễn Mạnh C hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Nguyễn Hồng Phương

Trần Thị Hà

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;

- Cục THADS tỉnh B;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

-UBND xã Tam Di, huyện LN,
tỉnh B.

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

Trần Thị Hà

